

Bản án số: 112/2023/HS-PT
Ngày: 25 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân.

2. Ông Phan Thanh Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2023/TLPT-HS ngày 20/02/2023 đối với bị cáo Lê Văn L1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D, Nguyễn Văn N, Lê Văn B, Võ Văn C, Võ Văn H2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2022/HS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Văn L1**, giới tính: Nam; sinh năm: 1986, tại tỉnh H; nơi thường trú: đường A, khu phố B, phường T, thành phố TĐ, thành phố H; chỗ ở: đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Q; có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

2. **Nguyễn Thị T1**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1976, tại tỉnh Đ; nơi thường trú: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Đ; chỗ ở: đường T, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: làm tạp vụ; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 (chết) và bà Nguyễn Thị B1 (chết); có chồng và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

3. **Nguyễn Thị Thanh T2**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1973, tại thành phố C; nơi thường trú: Khu vực L, phường A, quận Ô, thành phố C; chỗ ở: đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5 (chết) và bà Bùi Thị K; có chồng và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

4. **Nguyễn Thị Bích T3**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1985, tại tỉnh G; nơi thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh G; chỗ ở: đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P (chết) và bà Trần Thị H3; có chồng (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

5. **Nguyễn Đình L2**, giới tính: Nam; sinh năm: 1991, tại tỉnh G; nơi thường trú: Buôn A, xã N, huyện K, tỉnh G; chỗ ở: đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T6 và bà Nguyễn Thị H4; có vợ (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

6. **Nguyễn Duy H1**, giới tính: Nam; sinh năm: 1982, tại tỉnh G; nơi thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh G; chỗ ở: đường P, phường C, quận B, thành phố H; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P (chết) và bà Trần Thị H3; có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

7. **Đình Công D**, giới tính: Nam; sinh năm: 1987, tại tỉnh K; nơi thường trú: Thôn M, xã N, huyện L, tỉnh B; chỗ ở: đường C, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đình Việt Y (chết) và bà Tạ Thị H5; có vợ, có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

8. **Nguyễn Văn N**, giới tính: Nam; sinh năm: 1977, tại thành phố H; nơi thường trú: đường L, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Xe ôm; trình độ văn hóa: Không biết chữ (biết ký tên và ghi họ tên); dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

9. **Lê Văn B**, giới tính: Nam; sinh năm: 1975, tại tỉnh A; nơi thường trú: 38 ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, chỗ ở: đường C, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Rô T7 và bà Nguyễn Thị B2; có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

10. **Võ Văn C**, giới tính: Nam; sinh năm: 1972, tại tỉnh N; nơi thường trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh N, chỗ ở: đường D, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H6 (chết) và bà Hoàng Thị V2; có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt;

11. **Võ Văn H2**, giới tính: Nam; sinh năm: 1963, tại tỉnh N; nơi thường trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh N, chỗ ở: đường D, khu phố B, phường A, thành phố TĐ, thành phố H; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H6 (chết) và bà Hoàng Thị V2; có vợ, có 02 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 29/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 02/02/2022, do cần địa điểm để đánh bài trong dịp tết nên Nguyễn Đình L2, Nguyễn Thị Thanh T2 đã hỏi Lê Văn L1 cho mượn quán “LK”, địa chỉ: đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh do Lê Văn L1 làm chủ, để đánh bài cào ăn tiền, sẽ xâu tiền cho Lê Văn L1 để trả tiền mượn quán và tiền dọn dẹp, vệ sinh quán, Lê Văn L1 đồng ý.

Sau đó, Lê Văn L1 đưa 02 bộ bài cho Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Đình L2 sử dụng. Lúc này, sòng bạc gồm có Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D, Nguyễn Văn N, Lê Văn B, Võ Văn C, Võ Văn H2, cách thức chơi như sau: mỗi tụ đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, mỗi người làm cái 03 ván rồi đến người tiếp theo, nếu tụ làm cái thắng sẽ đưa 20.000 đồng tiền xâu bỏ vào trong một cái giỏ hình chữ nhật bằng nhựa màu xám để gần đó cho Lê Văn L1, cả nhóm sử dụng 01 bộ bài tây loại 52 lá chia đều cho các tụ chơi, mỗi tụ 03 lá bài, bài lớn nhất là có 03 lá K, Q, J, cao nhất là 09 nút, nhỏ nhất 10 nút (bù), tụ cái sẽ ăn thua với tất cả các tụ còn lại.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc Nguyễn Thị Thanh T2 đang làm cái và tiền xâu để tại giỏ xách là 220.000 đồng thì Đội Cảnh sát Hình sự - Công

an thành phố Thủ Đức và Công an phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ 11.180.000 đồng tại chiếu bạc, cơ quan điều tra đã làm rõ số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc như sau:

- Nguyễn Đình L2 sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thua 100.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 250.000 đồng;
- Nguyễn Thị Thanh T2 sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thắng 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 1.100.000 đồng;
- Võ Văn H2 sử dụng 600.000 để đánh bạc, chơi nhiều ván thua 50.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 550.000 đồng;
- Nguyễn Thị T1 sử dụng 860.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván không thắng không thua, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 860.000 đồng;
- Võ Văn C sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thắng được 100.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 1.000.000 đồng;
- Nguyễn Văn N sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thua 200.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 800.000 đồng;
- Lê Văn B sử dụng 1.350.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thua 350.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 1.000.000 đồng;
- Đinh Công D sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thắng được 50.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 1.450.000 đồng;
- Nguyễn Thị Bích T3 sử dụng 2.200.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thua 150.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 2.050.000 đồng;
- Nguyễn Duy H1 sử dụng 2.200.000 đồng để đánh bạc, chơi nhiều ván thua 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ tại chiếu bạc 1.900.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2022/HS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L1 phạm tội “Gá bạc”;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T2, Võ Văn C, Võ Văn H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D, Lê Văn B phạm tội “Đánh bạc”;

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn C 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn H2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T3 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình L2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy H1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đình Công D 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022);

11. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn B 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2022 đến ngày 01/4/2022).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/12/2022, 03/01/2023, 04/01/2023, 05/01/2023 và 30/01/2023, các bị cáo Lê Văn L1, Nguyễn Thị Thanh T2, Võ Văn C, Võ Văn H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D, Lê Văn B đều có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn L1, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị T1, Võ Văn C, Võ Văn H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D, Lê Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, đơn kháng cáo của 11 bị cáo là hợp lệ.

Về nội dung: Qua xem xét tài liệu chứng cứ điều tra hiện có trong hồ sơ vụ án và Biên bản phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở xác định: Lúc 10 giờ ngày 02/02/2022, tại quán cà phê “LK”, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Thị Bích T3, Đinh Công D, Lê Văn B, Nguyễn Văn N, Võ Văn C, Nguyễn Thị T1, Võ Văn H2 đánh bạc thắng thua bằng tiền, với số tiền sử dụng để đánh bạc và thắng thua là 10.930.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Thị Bích T3, Đinh Công D, Lê Văn B, Nguyễn Văn N, Võ Văn C, Nguyễn Thị T1, Võ Văn H2, đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Lê Văn L1 đồng ý cho Nguyễn Thị Thanh T2 Nguyễn Đình L2 và 08 bị cáo trong nhóm tội “Đánh bạc” mượn địa điểm do Lê Văn L1 quản lý sử dụng và cung cấp bộ bài để Nguyễn Thị Thanh T2 và các đồng phạm đánh bạc thắng thua bằng tiền, có thu tiền xâu 220.000 đồng. Hành vi của Lê Văn L1 cấu thành tội “Gá bạc”, thuộc trường hợp tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Nguyễn Văn N có tình trạng sức khỏe yếu do di chứng nhồi máu não bán cầu não trái (Giấy xuất viện ngày 20/10/2022, ghi thời gian nhập viện ngày 16 đến ngày 20/10/2022, trước khi mở phiên xét xử sơ thẩm). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không phát âm được, bị cáo có học vấn 0/12 - bị cáo không biết chữ nên cũng không thể giao tiếp bằng chữ viết. Do đó, nhận thấy với bệnh trạng của bị cáo Nguyễn Văn N cần tiến hành trưng cầu giám định tình

trạng sức khỏe và xác định năng lực hành vi theo quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự, vấn đề này không thể bổ sung được trong quá trình xét xử phúc thẩm nên cần hủy bản án, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm thực hiện việc giám định sức khỏe, chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự nhằm bảo đảm vụ án được giải quyết đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2022/HS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, giao hồ sơ đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử lại theo thủ tục chung.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn L1, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị T1, Võ Văn C, Võ Văn H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D, Lê Văn B trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Qua nghiên cứu hồ sơ và qua phân xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi đánh bài cào ăn tiền của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T2, Võ Văn C, Võ Văn H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Duy H1, Đinh Công D và Lê Văn B đã phạm vào tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội đánh bạc là có căn cứ, đúng người đúng tội, không oan sai.

Tuy nhiên, xét Bản án sơ thẩm số 489/2022/HS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Lê Văn L1 về tội gá bạc là chưa chính xác, bị cáo Lê Văn L1 có hành vi cung cấp 02 bộ bài là phương tiện để cho 10 bị cáo trong vụ án tham gia đánh bạc để thu tiền xâu, hành vi này có dấu hiệu của tội tổ chức đánh bạc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự cần phải làm rõ;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Tại phiên tòa phúc thẩm, diễn biến phiên tòa cho thấy bị cáo Nguyễn Văn N sức khỏe yếu, không thể tự đứng và không thể nghe, nói và trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử, phải có sự hỗ trợ của anh ruột bị cáo. Căn cứ kết quả chẩn đoán trong giấy ra viện của bị cáo Nguyễn Văn N ngày 20/10/2022 ghi: Nhồi máu não bán cầu não trái, hẹp động mạch cảnh chung 2 bên 60%, tăng huyết áp độ 2 (JNC 7), rối loạn chuyển hóa lipid máu, B20. Hội đồng xét xử xét thấy: Trường hợp này cần tiến hành trung cầu giám định tình trạng sức khỏe và xác định năng lực hành vi theo quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự, vấn đề này không thể bổ sung được trong quá trình xét xử phúc thẩm nên cần hủy bản án, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm thực hiện việc giám định sức khỏe, chỉ định người bào chữa theo quy định tại

Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử mới đảm bảo quyền lợi cho bị cáo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;

[3] Xét thấy: Cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng pháp luật cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại từ giai đoạn điều tra.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2022/HS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh,

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại từ giai đoạn điều tra.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- P.PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (1)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức; (1)
- Bị cáo; (11)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (11)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (40). (6)

Trần Minh Châu